

Bản án số: 437/2019/HNGĐ-ST

Ngày 06/8/2019

Về “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương
2. Ông Trần Công Quan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 11.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 không tham gia phiên phiên tòa:

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hà Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: xx đường Bình Thới, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; xin vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Văn N, sinh năm 1974; địa chỉ: xx đường Bình Thới, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày:

Bà Hà Thị H và ông Đinh Văn N quen biết nhau do mai mối, sau đó tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Xx, huyện Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/3/2005. Vợ chồng chung sống có một con chung tên Đinh Thị Thu H, sinh ngày 16/3/2006.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016. Nguyên nhân là do cả hai xảy ra nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm, kinh tế, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải quyết cho ly hôn với ông Đinh Văn N.

- Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đinh Thị Thu H, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 25/4/2019, bị đơn trình bày:

Ông Đinh Văn N và bà Hà Thị H quen biết do mai mối, chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Xx, huyện Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/3/2005. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Đinh Thị Thu H, sinh ngày 16/3/2006.

Trong những năm gần đây, cả hai xảy ra nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm, kinh tế... cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

- Về con chung: Ông N đồng ý giao con chung là Đinh Thị Thu H cho bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, ông N đưa tiền lương cho bà H giữ, ông không biết số tiền dành dụm được của hai vợ chồng là bao nhiêu, tuy nhiên, bà H muốn ly hôn thì phải đưa ông N 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hà Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đinh Văn N; ông N hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ ông Đinh Văn N tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 15/5/2019; tham gia phiên tòa ngày 09/7/2019 và ngày 08/6/2019 nhưng ông N vắng mặt. Ngày 19/6/2019, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân :

Bà Hà Thị H và ông Đinh Văn N tự nguyện kết hôn vào năm 2005, có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Xx, huyện Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01, ngày 02/3/2005. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Bà H và ông N chung sống có một con chung tên Đinh Thị Thu H, sinh ngày 16/3/2006.

Mâu thuẫn giữa bà H và ông N phát sinh từ năm 2016, nguyên nhân do bất đồng về nhiều mặt, tính tình cả hai không hòa hợp, quan điểm sống không phù hợp. Từ mâu thuẫn đã nêu dẫn đến việc bà H và ông N thường xuyên xảy ra chuyện cãi vã và hai người sống ly thân với nhau.

Tại buổi hòa giải ngày 25/4/2019, bà H và ông N cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng như đã nêu trên, đồng thời cả hai đồng ý ly hôn. Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

- Về con chung: Bà H và ông N thống nhất thỏa thuận giao trẻ Đình Thị Thu H, sinh ngày 16/3/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; trẻ H cũng có nguyện vọng ở chung với mẹ. Xét thấy việc thỏa thuận giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận việc này.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

4. Về tài sản chung: Bà H xác định bà và ông N không có tài sản chung. Tại buổi hòa giải ngày 25/4/2019, ông N trình bày trong quá trình chung sống, ông N đưa tiền lương cho bà H giữ, ông không biết số tiền dành dụm được của hai vợ chồng là bao nhiêu, nếu bà H muốn ly hôn thì phải đưa ông N 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Sau đó, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông N vắng mặt không lý do và cũng không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào đối với yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

5. Về nợ chung: Các bên đương sự xác định không có.

6. Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Hà Thị H.

2. Bà Hà Thị H được ly hôn với ông Đình Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Xx, huyện Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 02/3/2005 không còn giá trị.

3. Về con chung: Bà Hà Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đình Thị Thu H, sinh ngày 16/3/2006. Ông Đình Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hà Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0009798 ngày 26/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND X.Xx, H.Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Loan